

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 16- 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phạm và bà Bùi Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với Bị cáo:

Họ và tên: Đoàn Văn C (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979, tại huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 3 xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc công ty TNHH C; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: không; Con ông: Đoàn Văn X– sinh năm 1949; Con bà: Hoàng Thị H– sinh năm 1953; Hiện bố, mẹ đều làm ruộng tại Khu 3 xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Anh, chị em ruột: Có 07 anh, chị em (Bị cáo là con thứ tư);

Vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; Con: có 03 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017); Hiện vợ, con đều ở Khu 3 xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) *Về hành vi phạm tội của Bị cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty C), có địa chỉ tại: khu 3, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật là Đoàn Văn C, chức vụ: Giám đốc. Công ty C là công ty trách

nhệm hữu hạn một thành viên, mã số thuế: 2600928273; đăng ký hoạt động kinh doanh trên địa bàn huyện H từ ngày 24/12/2014 đến nay. Ngành, nghề kinh doanh: bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván mỏng khác, đồ gỗ xây dựng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...Vốn điều lệ: **3.000.000.000đ**. Công ty TNHH C thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT) bằng phương pháp khấu trừ theo quý.

Quá trình hoạt động, Công ty C hoạt động sản xuất kinh doanh dăm mảnh gỗ làm nguyên liệu giấy dưới hình thức: Công ty thu mua gỗ nguyên liệu (gỗ keo) của các hộ dân trên địa bàn huyện H, thực hiện sản xuất thành dăm mảnh gỗ tại xưởng thuộc khu 2, xã Quân K, huyện H, tỉnh Phú Thọ sau đó xuất, bán ra thị trường.

Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, Công ty C đã thực hiện sản xuất và bán ra thị trường 3.699,365 tấn dăm mảnh gỗ. Trong đó:

- Bán hàng cho các đơn vị có xuất hóa đơn GTGT, thanh toán qua tài khoản của công ty và được hạch toán trên sổ sách kế toán là: 1.631,0 tấn tương đương số tiền 1.820.700.400 đồng.

- Ngoài số lượng dăm mảnh đã bán theo hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty C còn bán cho bà Nguyễn Mai L, sinh năm 1978, ở thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ với tổng khối lượng là: 2.068,365 tấn tương đương số tiền 2.178.031.000 đồng nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không hạch toán doanh thu trên sổ sách kế toán của Công ty, không kê khai báo cáo thuế với đơn vị quản lý thuế trực tiếp là Chi cục thuế khu vực Thanh B- Hạ H. Cụ thể:

Đầu năm 2018, bà Nguyễn Mai L đã trực tiếp liên hệ với Đoàn Văn C- Giám đốc Công ty C để mua dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu Công ty C xuất hoá đơn GTGT, giá thu mua từ 1.100.000đ đến 1.250.000đ/tấn tùy vào từng thời điểm. Địa điểm giao nhận hàng tại kho của Tổng Công ty G có địa chỉ tại thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Để vận chuyển số dăm mảnh gỗ bán cho bà Long, Công ty C đã sử dụng 02 xe ô tô tải BKS 19C - 115.81 và xe 19C - 062.40 do anh Nguyễn Văn Ttrú tại khu 3, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ - là lái xe của Công ty C điều khiển chở dăm mảnh từ xưởng sản xuất của Công ty C đến kho của Tổng Công ty G giao cho bà Long. Khi chở dăm mảnh đến kho Tổng Công ty G, lái xe sẽ liên hệ với bà L để làm các thủ tục cân hàng. Sau khi xuống hàng, lái xe mang phiếu cân vật tư về chuyển lại cho Đoàn Văn C tập hợp theo dõi số lượng dăm mảnh đã bán cho bà L để chốt số lượng và thanh toán tiền hàng. Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, Công ty C đã xuất bán cho bà L tổng số 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ tương đương số tiền 2.178.031.000đ đồng (*trong đó năm 2018 bán 1.663,258 tấn, năm 2019 bán 405,107*). Bà L đã 36 lần chuyển khoản thanh toán tiền mua dăm mảnh gỗ cho C tổng số 2.178.031.000 đồng (*thể hiện ở 36 giấy báo nợ*) thông qua tài khoản của Đoàn Văn C và 03 cá nhân khác. Cụ thể:

- Chuyển vào tài khoản của Đoàn Văn C: 16 lần, với tổng số tiền: 740.022.000đ thông qua tài khoản số 2704205018588 mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện H - Phú Thọ.

- Chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh T- vợ ông Đoàn Văn C, là nhân viên Công ty TNHH C: 17 lần, với tổng số tiền: 1.298.000.000đ thông qua tài khoản số 104000618985 mở tại Ngân hàng V chi nhánh Đền Hùng.

- Chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu H, ở khu 3, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ: 02 lần, với tổng số tiền 100.000.000đ thông qua tài khoản số 2704205068426 mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện H, tỉnh Phú Thọ.

- Chuyển vào tài khoản ông Nguyễn Văn Xuân, ở khu 3, xã Lang S, huyện H, tỉnh Phú Thọ: 01 lần, số tiền 40.009.900đ thông qua tài khoản số 2704205200866 mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bản thân bà H và ông Xuân không có quan hệ kinh tế cũng như không quen biết với bà L. Việc bà L chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn X là do C đề nghị, vì C nhập nguyên liệu đầu vào của bà H, ông X và nợ tiền, nên C đã nói với L chuyển khoản cho những người này để trừ nợ.

Bà Nguyễn Thị Thanh T - vợ ông Đoàn Văn C, là nhân viên Công ty TNHH C t H xuyên giao dịch tại ngân hàng nên C đã cung cấp số tài khoản của bà T cho bà L để chuyển tiền. Sau khi nhận được tiền trong tài khoản, bà T rút toàn bộ tiền ra đưa cho Đoàn Văn C, bà T không biết C sử dụng số tiền này và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty C cụ thể như thế nào.

Toàn bộ số tiền nhận được, C đã rút tiền mặt để thanh toán tiền mua nguyên liệu đầu vào và chi phí sản xuất. Theo quy định tại điều 16 Thông tư số: 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định: *“Người bán hàng phải lập hoá đơn khi bán hàng hoá ... Trường hợp khi bán hàng hoá từ 200.000đ trở lên mỗi lần người mua không lấy hoá đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì vẫn phải lập hoá đơn và ghi rõ người mua không lấy hoá đơn hoặc người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế”*. Đồng thời phải ghi nhận doanh thu và giá vốn vào sổ sách kế toán, kê khai thuế đối với doanh thu phát sinh. Tuy nhiên để trốn tiền thuế GTGT phải nộp cho nhà nước, Công ty C đã không xuất hoá đơn GTGT, không hạch toán kê khai số tiền 2.178.031.000đ doanh thu từ việc bán 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ cho bà Long.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra bà Nguyễn Mai L khai nhận:

bà L được ông Trần Minh T- sinh năm 1983, ở thị trấn Phong C, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ thuê thu mua dăm mảnh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nhưng không yêu cầu đơn vị bán hàng xuất hoá đơn GTGT. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được ông T trả cho bà L số tiền 2.000đ. Sau đó bà L đã liên hệ với Đoàn Văn C- Giám đốc Công ty C để mua dăm mảnh gỗ cung cấp cho T. Do đó, bà L đã liên hệ để mua dăm mảnh gỗ của nhiều Công ty khác nhau trên địa bàn tỉnh

Phú Thọ, trong đó, mua của Công ty C tổng số 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu Công ty C xuất hóa đơn GTGT. Từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, ông T chốt khối lượng dăm mảnh với bà L (thu mua của nhiều Công ty khác nhau), sau đó đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 103868527382 của bà Nguyễn Mai L mở tại Ngân hàng V số tiền 10.178.791.000 đồng qua 33 lần thẻ hiện trên 33 giấy báo có; trong đó số tiền thanh toán cho Công ty C là: 2.178.031.000đ (*hai tỷ một trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng*). Số tiền còn lại hơn 8 tỷ, bà L dùng để thanh toán tiền mua dăm mảnh của các doanh nghiệp và cá nhân khác.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra ông Trần Minh T khai nhận:

Đầu năm 2018, Công ty TNHH Lâm Sóc trụ sở tại: p H Đăng G, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201318931 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/01/2019; vốn điều lệ: 10.000.000.000đ; ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; người đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Ngọc H1- sinh năm 1985 chức danh: Giám đốc; số căn cước công dân: 031085000909 cấp ngày 12/4/2016 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp; ông H1 có hộ khẩu t H trú tại: xóm 7, xã Hòa B, huyện Thủy N, thành phố Hải Phòng. Và Công ty cổ phần Thuận Đ có trụ sở tại xã Tây Cốc, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số thuế: 2600705929 đăng ký lần đầu ngày 29/11/2010; vốn điều lệ: 50.000.000.000đ; ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ; người đại diện theo pháp luật là bà Đoàn Thị Hiền- sinh năm 1975, chức danh: Giám đốc; số chứng minh nhân dân: 131083915 cấp ngày 19/10/2019 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp, bà Hiền có hộ khẩu t H trú tại: xã Tây Cốc, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Hai Công ty trên thuê ông T thu mua dăm mảnh gỗ để bán cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được Công ty TNHH Lâm Svà Công ty CP Thuận Đ trả cho ông T số tiền 5.000 đồng. Sau đó, ông T đã thuê bà Nguyễn Mai L thu mua dăm mảnh và thỏa thuận trả cho bà L 2.000đ/tấn thu mua được. Từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, bà L đã thu mua cho ông T tổng số 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ của Công ty C như đã nêu trên. Ông T đã phân bổ Công ty TNHH lâm Slà 135,049 tấn và phân bổ cho Công ty CP Thuận Đ là 1.933,316 tấn để nhập vào Tổng công ty giấy Việt Nam.

Sau đó, Công ty TNHH lâm Svà Công ty CP Thuận Đ đã chuyển khoản thanh toán tiền dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 104868004590 của ông T mở tại Ngân hàng V Chi nhánh Đ số tiền: 10.210.000.000 đồng vào 24 lần (thẻ hiện trên 24 giấy báo có) để thanh toán tiền mua dăm mảnh (*trong đó: Công ty TNHH Lâm Schuyển 15 lần, số tiền 4.900.000.000đ, Công ty CP Thuận Đ chuyển 09 lần, số tiền 5.310.000.000đ*), ông T đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 103868527382 của bà Nguyễn Mai L mở tại Ngân hàng V chi nhánh Đ số tiền 10.178.791.000 đồng vào

33 lần thể hiện trên 33 giấy báo có để bà L thanh toán tiền cho các đơn vị bán dăm (trong đó có số tiền 2.178.031.000đ tiền thanh toán cho Công ty C, số còn lại Long thanh toán cho các đơn vị khác); còn lại số tiền 31.209.000đ T dùng để thanh toán tiền mua hàng lần sau.

Ngày 08/10/2019, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định số 252 Trung cầu Cục thuế tỉnh Phú Thọ giám định số tiền thuế phải nộp đối với số lượng dăm mảnh gỗ mà Công ty C đã xuất bán nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai, hạch toán nêu trên.

Tại Kết luận giám định ngày 16/10/2019 của Cục thuế tỉnh Phú Thọ xác định số tiền thuế GTGT mà Công ty C đã trốn là:

$$(2.178.031.000 : 1,1) \times 10\% = 198.002.818đ.$$

Quá trình điều tra, CQĐT đã thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến chi phí sản xuất của Công ty C để phục vụ việc giám định xác định việc kê khai, nộp thuế TNDN của Công ty C. Ngày 13/02/2020, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định số 37 Trung cầu Cục thuế tỉnh Phú Thọ giám định về thuế TNDN đối với số lượng dăm mảnh gỗ mà Công ty C đã xuất bán nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai, hạch toán nêu trên.

Tại Kết luận giám định ngày 18/2/2020 của Cục thuế tỉnh Phú Thọ xác định: năm 2018, Công ty TNHH C lỗ: 1.297.316.364đ nên không gây thiệt hại về thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với 5 tháng đầu năm 2019, do chưa đến kỳ quyết toán thuế của đơn vị, nhiều khoản chi phí liên quan không tính toán được nên chưa đủ cơ sở kết luận về thuế. Do đó, cần tách nội dung này ra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Đoàn Văn Cnhư: Chứng từ thể hiện việc chuyển tiền giữa Công ty TNHH lâm s, Công ty CP Thuận Đ với ông T, giữa ông T và bà L và việc bà L chuyển tiền cho các cá nhân để thanh toán tiền hàng cho Đoàn Văn C. Bảng kê, phiếu cân vật tư kèm chứng thư giám định chất lượng và khối lượng của Tổng Công ty G thể hiện số lượng dăm mảnh Công ty C chở đến cho Công ty TNHH lâm s, Công ty CP Thuận Đ để nhập vào Tổng công ty Giấy.

Bản thân Đoàn Văn C là Giám đốc Công ty C đã chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất, buôn bán của Công ty, xuất bán hàng hóa nhưng không xuất hóa đơn, không ghi nhận doanh thu và giá vốn vào sổ sách kế toán, kê khai thuế đối với doanh thu phát sinh để kê khai nộp thuế, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước tiền thuế giá trị gia tăng là: **198.002.818đ**, nên hành vi của C đã cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 200 BLHS.

Ngoài việc chịu trách nhiệm hình sự của cá nhân Đoàn Văn C, tại khoản 5 của Điều 200 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại:

“5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a, Thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trốn thuế với số tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000đ nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại Điều 188, 189,190,191,192,193,194,195 và 196 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;

b, Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a,b,d và đ khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng; ... ”

Như vậy, ở điểm a của khoản 5, quy định với hành vi vi phạm được quy định ở khoản 1 của Điều luật trốn thuế số tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, hoặc từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng thì có thêm điều kiện là đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội trốn thuế hoặc về một trong các tội quy định tại Điều 188, 189,190,191,192,193,194,195 và 196 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm mới phải chịu trách nhiệm hình sự;

Còn ở điểm b của khoản 5, quy định hành vi vi phạm ở khoản 2 của Điều luật, nghĩa là số tiền vi phạm từ 300.000.000 đồng trở lên mới phạm tội.

Kết quả điều tra xác định: số tiền trốn thuế giá trị gia tăng của Công ty C trong vụ án này là: 198.002.818 đồng; qua giám định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty C thì Công ty không gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước; nên tổng số tiền Công ty C trốn thuế là dưới 200.000.000 đồng; Công ty TNHH C chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, chưa bị kết án về tội trốn thuế hoặc về một trong các tội quy định tại Điều 188, 189,190,191,192,193,194,195 và 196 của Bộ luật này nên Công ty TNHH C không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Về trích dẫn Báo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 14/CT – VKSPT-P2 ngày 08/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Đoàn Văn C về tội “Trốn Thuế” theo Khoản 1 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm b, c Khoản 1 Điều 200, Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của BLHS;

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn C từ 150 triệu đồng đến 160 triệu đồng

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 198.003.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 24/3/2020 do công an tỉnh Phú Thọ chuyển vào số tài khoản

3949.0.1054969.00000 của cục thi hành án dân sự tỉnh Thủ Thọ, tại kho bạc nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ mức phạt tiền cho bị cáo. Vì hiện nay bị cáo đang nợ ngân hàng 1,2 tỷ đồng, công ty không hoạt động từ khi công an điều tra vào làm việc, khoản tiền vốn điều lệ ghi 03 tỷ đồng là nghi danh khi thành lập công ty còn thực chất không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo Đoàn Văn Cđã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của Người làm chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, Đoàn Văn Cđã thực hiện thu mua gỗ nguyên liệu của các hộ dân trồng rừng trên địa bàn huyện H - Phú Thọ không có hóa đơn chứng từ rồi sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng của công ty tại Khu 2 xã Quân K, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau đó, Đoàn Văn Cxuất bán hàng cho bà Nguyễn Mai L theo thỏa thuận từ 1.100.000đ đến 1.250.000đ/tấn dăm mảnh (tùy vào từng thời điểm). Tổng số lượng xuất bán 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ với số tiền 2.178.031.000đ. Quá trình bán hàng không ký Hợp đồng mua bán hàng hóa, không xuất hóa đơn GTGT. bà Lđã thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản cá nhân của Cvà 03 cá nhân khác tổng số tiền 2.178.031.000đ thông qua 36 lần chuyển tiền. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ cho bà Nguyễn Mai L là: 2.178.031.000đ, Ckhông hạch toán trên hệ thống sổ sách kế toán của Công ty C, không kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Thanh Ba - H.

Số tiền thuế giá trị gia tăng nhà nước bị thất thu trong vụ án này theo kết luận giám định về thuế là: 198.002.818 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh hai nghìn tám trăm mười tám đồng).

Hành vi nêu trên của Đoàn Văn Cđã phạm vào tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 1 Điều 200, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 200 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

... ..

b, Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;

c, Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;”

Tại khoản 5 của Điều luật còn quy định Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, theo phân tích ở phần trên thì Công ty C không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích là vụ lợi. Do đó, hành vi phạm tội của Bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Đoàn Văn C trước khi phạm tội lần này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền đã trốn thuế để khắc phục hậu quả là: 198.003.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng), nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Đoàn Văn C được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 và không phải chịu tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 điều 200 Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 điều 33 của bộ luật hình sự.

Đối với Công ty CP Thuận Đạt, Công ty TNHH lâm Skhi mua hàng nhưng không yêu cầu các đơn vị bán hàng xuất hóa đơn GTGT theo công ty trình bày do Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực, hàng hóa dịch vụ mua vào đã kê khai nhiều hơn hàng hóa dịch vụ bán ra. Mặt khác trong quá trình điều tra, Công ty CP Thuận Đạt, Công ty TNHH lâm Schura cung cấp đầy đủ các chứng từ tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty với lý do công ty có sự thay đổi địa điểm, thay đổi kế toán nên chứng từ tài liệu bị thất lạc. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ xử lý sau xét thấy là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Mai L và ông Trần Minh T: là 02 cá nhân đã được thuê mua dăm mảnh của các Công ty sản xuất giao cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam, bà L và ông T không biết việc Công ty C không hạch toán doanh thu, không kê khai báo cáo thuế từ việc bán dăm mảnh nêu trên. Do không có căn cứ xác định bà Long, ông T vi phạm trong việc trốn thuế của Công ty C, vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý với bà Trần mai Long và ông Trần Minh T trong vụ án này.

Đối với các cán bộ thuế chi cục Thuế khu vực Thanh Ba- H: Cán bộ thuế chi cục thuế khu vực T- H được giao quản lý Công ty Clà ông Lê Quốc Đ - Đội trưởng Đội kiểm tra và quản lý nợ. Quá trình điều tra xác định: Công ty C là đơn vị kê khai thuế theo phương pháp khấu trừ, hình thức kê khai điện tử. Theo quy định tại điều 7 luật quản lý thuế số 78, Công ty C có nghĩa vụ phải kê khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế; ghi chép chính xác, trung thực, đầy đủ về những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và giao dịch phải kê khai thông tin về thuế... Theo dữ liệu do Công ty C tự kê khai với cơ quan thuế thì đơn vị có doanh thu thấp, ổn định nên các cán bộ thuế chưa phát hiện có rủi ro về thuế. Các cán bộ thuế không biết về việc Công ty C có hành vi trốn thuế, đồng thời không được hưởng lợi ích gì từ Công ty C cũng như cá nhân bị cáo Đoàn Văn C. Việc Công ty C trốn thuế có một phần trách nhiệm của cán bộ thuế chuyên quản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Đoàn trong vụ án này là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 198.003.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 24/3/2020 do công an tỉnh Phú Thọ chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054969.00000 của cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, tại kho bạc nhà nước tỉnh Phú Thọ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về loại hình phạt phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, còn mức hình phạt so với điều kiện kinh tế của bị cáo là nặng nên hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] *Tuyên bố bị cáo:* Đoàn Văn C phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ điểm b, c Khoản 1 Điều 200; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 106; điểm d khoản 1 điều 125; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2] *Trách nhiệm hình sự, hình phạt:*

Xử phạt: bị cáo Đoàn Văn C 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Do bị cáo được áp dụng hình phạt tiền nên được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ áp dụng đối với Đoàn Văn C tại Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26 ngày 18/02/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đoàn Văn C.

[3] *Về Xử lý vật chứng:*

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 198.003.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 24/3/2020 do công an tỉnh Phú Thọ chuyển vào số tài khoản

3949.0.1054969.00000 của cục thi hành án dân sự tỉnh Thủ Thọ, tại kho bạc nhà nước tỉnh Phú Thọ.

[4]. *Về án phí:* Buộc bị cáo Đoàn Văn Cphải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] *Quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND CC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- CQ THA dân sự tỉnh;
- Kho bạc NN tỉnh;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang